CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NHÀ THỦ ĐỨC

Báo cáo Tài chính hợp nhất

cho kỳ kế toán từ 01/01/2009 đến 30/06/2009

(đã được soát xét)

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2-5
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT	6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	7-33
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	7-8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.	11-33

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phát triển nhà Thủ Đức, tên giao dịch quốc tế Thu Duc Housing Development Corporation, viết tắt là Thu Duc House (sau đây gọi tắt là 'Công ty') trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 30 tháng 06 năm 2009.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Phát triển nhà Thủ Đức được chuyển đổi từ Doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 7967/QĐ-UB-CNN ngày 24 tháng 11 năm 2000 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh V/v chuyển Công ty Phát triển nhà và Dịch vụ Khu công nghiệp Thủ Đức thành Công ty cổ phần.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 4103000457 lần đầu ngày 15/06/2001 và thay đổi lần thứ tám ngày 22/12/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là :

- Quản lý và kinh doanh nhà
- Xây dựng các công trình về nhà ở, công trình công cộng và dân dụng khác
- Sản xuất gạch, ngói, gạch bông
- Thiết kế mẫu nhà ở, công trình dân dụng phục vụ cho nhu cầu xây dựng của đơn vị
- Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh công trình cơ sở hạ tầng khu công nghiệp và dân cư Linh Xuân, Thủ Đức
- Thi công xây dựng công trình thủy lợi, cầu đường, sân bãi, nền móng công trình, hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước công trình.
- San lấp mặt bằng
- Trang trí nội ngoại thất
- Đầu tư xây dựng, kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư
- Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô
- Sản xuất, lắp dựng khung nhà tiền chế, kệ thép, các cấu kiện thép: dầm cầu thép, xà, thanh giằng, cột tháp
- Mua bán máy móc thiết bị ngành xây dựng, hàng trang trí nội ngoại thất, vật liệu xây dựng, sắt, thép, đá, cát, sỏi
- Đại lý mua bán xăng, dầu, nhớt
- Hoạt động câu lạc bộ thể dục thể thao: sân tennis, hồ bơi, bóng đá, bóng chuyền, bóng bàn, bóng rổ, cầu lông
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng (không kinh doanh tại trụ sở)
- Mua bán, chế biến hàng nông sản thực phẩm (không chế biến thực phẩm tươi sống)
- Cho thuê kho bãi
- Dịch vụ: khai thuê hải quan, quảng cáo, bốc dỡ hàng hóa, đóng gói (trừ thuốc bảo vệ thực vật)
- Thiết kế tạo mẫu; In trên bao bì
- Tổ chức hội chợ, hội nghị, hội thảo, triển lãm thương mại
- Đại lý ký gửi hàng hóa
- Kinh doanh nhà, cho thuê nhà, kho bãi, văn phòng.
- Kinh doanh bất động sản
- Dịch vụ định giá bất động sản, dịch vụ sàn giao dịch bất động sản, dịch vụ tư vấn bất động sản, dịch vụ đấu giá bất động sản, dịch vụ quảng cáo bất động sản, dịch vụ quản lý bất động sản.

Vốn điều lệ của Công ty là 252.500.000.000 đồng, được chia thành 25.250.000 cổ phần.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại 384 Võ Văn Ngân, P. Bình Thọ, Quận Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh

Công ty có các công ty con, công ty liên doanh, liên kết sau:

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ
I	***Công ty con***	
1	Công ty TNHH Quản lý và Kinh doanh Chợ nông sản Thủ Đức	Số 141 Quốc lộ 1A, Phường Tam Bình, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.
2	Công ty TNHH Xây dựng Phong Đức	Số 9/7, Đường số 3, Phường Bình Trưng Đông, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh
3	Công ty TNHH Nước đá tinh khiết Đông An Bình	Số 4, đường số 4,Khu phố 5, Phường Tam Bình, Quận Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh.
4	Công ty TNHH Dịch vụ Tam Bình Thủ Đức	Khu phố 5, Quốc lộ 1A, Phường Tam Bình, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.
5	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Song Đức	139B Quốc lộ 1A, Khu phố 5, Phường Tam Bình, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh
6	Công ty Cổ phần Sản xuất Thương Mại Gia Đức	683 Quốc lộ 52, Phường Phước Long B, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh
7	Công ty Cổ phần Thông Đức	Số 01 Phan Chu Trinh, Phường 9, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng
8	Công ty TNHH Đầu tư Phúc Thịnh Đức	6B1-4 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 24, Quận Bình Thạch, TP Hồ Chí Minh
II	***Công ty liên doanh, liên kết***	
1	Thuduchouse Property Ventures LLC	California, Hoa Kỳ
2	Công ty Cổ phần Phát triển nhà Deawon –Thủ Đức	Ấp 3, Phường An Phú, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh
3	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú	Tầng 4, Cao ốc 225, Trần Hưng Đạo, Phường Cô Giang, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
4	Công ty Cổ phần Địa ốc Đại Á	Tầng 8, 1015 Trần Hưng Đạo, Phường 5, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh
5	Công ty Cổ phần Đầu tư Nghĩa Phú	48 Tăng Nhơn Phú, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP Hồ Chí Minh

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ cho kỳ kế toán từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 là **101.372.423.213** VND

Lợi nhuận chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2009 là **86.994.150.234** VND

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi thấy không phát sinh bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị bao gồm:

Ông :	Lê Chí Hiếu	Chủ tịch
Ông :	Nguyễn Vĩnh Thọ	Phó chủ tịch
Ông :	Trần Quang Nghị	Uỷ viên
Ông :	Phạm Đình Kháng	Uỷ viên
Ông :	Trần Đình Vọng	Uỷ viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

Ông :	Lê Chí Hiếu	Tổng Giám đốc
Ông :	Phạm Đình Kháng	Phó Tổng Giám đốc
Ông :	Trần Quang Nhường	Phó Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ 01/01/2009 đến 30/06/2009, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 38/2007/TT-BTC ngày 18/04/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

TP Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 08 năm 2009

TM. BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NHÀ THỦ ĐỨC

LÊ CHÍ HIẾU

Số : 123/2009/BC.TC-AASC.HCM

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
của Công ty Cổ phần Phát triển nhà Thủ Đức

Kính gửi: **Hội đồng quản trị**
Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phát triển nhà Thủ Đức

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Phát triển nhà Thủ Đức được lập ngày 06 tháng 08 năm 2009 gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2009 đến 30/06/2009 được trình bày từ trang 7 đến trang 33 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phát triển nhà Thủ Đức. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến nhận xét về các báo cáo này căn cứ trên kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến:

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Các chuẩn mực này yêu cầu công toán soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến của kiểm toán viên về kết quả công tác soát xét:

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, không có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính đã không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Phát triển nhà Thủ Đức tại ngày 30 tháng 06 năm 2009, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2009 đến 30/06/2009, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Chúng tôi không phủ nhận ý kiến chấp nhận toàn phần ở trên mà chỉ muốn lưu ý người đọc Báo cáo tài chính hợp nhất này về các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết chưa được áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

TPHCM, ngày 10 tháng 08 năm 2009

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN (AASC)

GIÁM ĐỐC

BÙI VĂN THẢO
Chứng chỉ kiểm toán viên số : 0522/KTV

KIỂM TOÁN VIÊN

LÊ KIM YẾN
Chứng chỉ KTV số : 0550/KTV

01 Lê Phụng Hiểu, Hà Nội, Việt Nam
Tel: (84-4) 3824 1990/1 - Fax: (84-4) 3825 3973
Email: aaschn@hn.vnn.vn
Website: www.aasc.com.vn

AFFILIATE INPACT INTERNATIONAL NETWORK OF PROFESSIONAL ACCOUNTANTS

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2009

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	30/06/2009 VND	01/01/2009 VND
	TÀI SẢN			
100	**A . Tài sản ngắn hạn**		**866.877.298.012**	**703.519.730.990**
110	**I. Tiền và các khoản tương đương tiền**	**VI.1**	**139.063.434.511**	**103.748.660.422**
111	1. Tiền		54.644.560.836	83.216.160.422
112	2. Các khoản tương đương tiền		84.418.873.675	20.532.500.000
120	**II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**		**65.677.223.379**	**80.807.550.450**
121	1. Đầu tư ngắn hạn	VI.2	65.677.223.379	80.807.550.450
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)		-	
130	**III. Các khoản phải thu**		**240.512.087.739**	**123.011.218.064**
131	1. Phải thu của khách hàng		145.957.592.588	65.650.213.880
132	2. Trả trước cho người bán		37.590.419.068	34.232.605.208
135	5. Các khoản phải thu khác	VI.3	56.964.076.083	23.128.398.976
140	**IV. Hàng tồn kho**	**VI.4**	**418.831.265.336**	**395.311.164.839**
141	1. Hàng tồn kho		418.831.265.336	395.311.164.839
150	**V. Tài sản ngắn hạn khác**		**2.793.287.047**	**641.137.215**
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		2.344.965.367	134.229.861
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	VI.5	448.321.680	506.907.354
200	**B . Tài sản dài hạn**		**783.100.508.153**	**729.460.579.540**
210	**I. Các khoản phải thu dài hạn**		**-**	**-**
220	**II. Tài sản cố định**		**74.501.172.329**	**76.628.934.466**
221	1. Tài sản cố định hữu hình	VI.6	55.906.830.213	58.256.137.171
222	*- Nguyên giá*		*79.445.887.468*	*78.898.189.163*
223	*- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)*		*(23.539.057.255)*	*(20.642.051.992)*
227	3. Tài sản cố định vô hình	VI.7	3.306.690.185	5.352.361.221
228	*- Nguyên giá*		*3.703.522.616*	*5.562.228.026*
229	*- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)*		*(396.832.431)*	*(209.866.805)*
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	VI.8	15.287.651.931	13.020.436.074
240	**III. Bất động sản đầu tư**	**VI.9**	**10.408.649.225**	**10.749.982.445**
241	- Nguyên giá		11.740.332.435	*11.740.332.435*
242	- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)		(1.331.683.210)	*(990.349.990)*
250	**IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**		**679.901.774.401**	**624.495.140.602**
251	1. Đầu tư vào công ty con	VI.10	44.388.960.000	
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	VI.11	149.879.241.800	127.974.563.161
258	3. Đầu tư dài hạn khác	VI.12	514.333.986.836	529.358.142.540
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	VI.13	(28.700.414.235)	*(32.837.565.099)*
260	**V. Lợi thế thương mại**	**VI.14**	**7.382.352.806**	**7.458.658.509**
270	**VI. Tài sản dài hạn khác**		**10.906.559.392**	**10.127.863.518**
271	1. Chi phí trả trước dài hạn	VI.15	2.611.895.972	1.833.200.098
272	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	-
278	3. Tài sản dài hạn khác	VI.16	8.294.663.420	8.294.663.420
280	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**1.649.977.806.165**	**1.432.980.310.530**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2009

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	30/06/2009 VND	01/01/2009 VND
	NGUỒN VỐN			
300	**A . Nợ phải trả**		**602.618.846.778**	**411.688.031.040**
310	**I. Nợ ngắn hạn**		**396.150.256.477**	**200.874.284.349**
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	VI.17	38.868.500.000	14.000.000.000
312	2. Phải trả cho người bán		5.069.105.568	12.293.896.877
313	3. Người mua trả tiền trước		277.287.991.111	123.255.206.250
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	VI.18	32.280.150.802	39.050.292.176
315	5. Phải trả người lao động		5.237.419.693	8.299.292.189
316	6. Chi phí phải trả	VI.19	31.835.343.396	501.390.233
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	VI.20	5.571.745.907	3.474.206.624
330	**II. Nợ dài hạn**		**206.468.590.301**	**210.813.746.691**
333	3. Phải trả dài hạn khác	VI.21	131.271.465.356	143.588.992.838
334	4. Vay và nợ dài hạn	VI.22	74.350.282.332	66.536.378.071
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		846.842.613	688.375.782
400	**B . Nguồn vốn chủ sở hữu**		**1.026.591.739.194**	**1.001.009.161.787**
410	**I. Nguồn vốn chủ sở hữu**	**VI.23**	**1.010.573.750.803**	**986.949.976.685**
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		252.500.000.000	252.500.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		509.135.687.300	509.135.687.300
414	3. Cổ phiếu quỹ (*)		(70.809.213.683)	(68.488.734.176)
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		206.260.263.080	112.781.159.220
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		26.322.076.481	27.539.976.253
419	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		170.787.391	369.614.123
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		86.994.150.234	153.112.273.965
430	**II. Nguồn kinh phí và quỹ khác**		**16.017.988.391**	**14.059.185.102**
431	1. Quỹ khen thưởng và phúc lợi		16.017.988.391	14.059.185.102
439	**C. Lợi ích của cổ đông thiểu số**		**20.767.220.193**	**20.283.117.703**
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**1.649.977.806.165**	**1.432.980.310.530**

	CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CĐKT		**30/06/2009**	**01/01/2009**
	2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ (VND)	VI.24	27.043.058.000	27.043.058.000
	5. Ngoại tệ các loại (USD)			3,38

Lập ngày 06 tháng 08 năm 2009

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Lê Ngọc Châu	Quan Minh Tuấn	Lê Chí Hiếu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

cho kỳ kế toán từ 01/01/2009 đến 30/06/2009

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
01	**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (*)**	**VII.25**	**229.754.330.177**	**225.786.477.660**
02	**2. Các khoản giảm trừ**	**VII.26**	**3.454.968.729**	**5.732.657.705**
10	**3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**VII.27**	**226.299.361.448**	**220.053.819.955**
11	**4. Giá vốn hàng bán (*)**	**VII.28**	**111.695.986.074**	**111.320.197.270**
20	**5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**114.603.375.374**	**108.733.622.685**
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VII.29	28.777.744.531	12.886.392.010
22	7. Chi phí tài chính	VII.30	(4.115.115.969)	16.296.501.402
23	*Trong đó: Chi phí lãi vay*		-	-
24	8. Chi phí bán hàng		228.499.481	1.691.092.946
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		25.712.038.033	20.569.970.856
30	**10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**121.555.698.360**	**83.062.449.491**
31	11. Thu nhập khác	VII.31	4.758.823.736	3.315.129.010
32	12. Chi phí khác	VII.32	635.263.631	277.597.201
40	**13. Lợi nhuận khác**		**4.123.560.105**	**3.037.531.809**
45	**14. Phần lợi nhuận (lỗ) trong công ty liên kết, LD**	VII.33	-	
50	**15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**125.679.258.465**	**86.099.981.300**
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VII.34	21.559.788.907	33.691.908.165
52	17. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		-	
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		104.119.469.558	52.408.073.135
61	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số		2.747.046.345	658.209.304
62	**20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ (*)**		**101.372.423.213**	**51.749.863.831**
70	**21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	**VII.35**	**3.741**	**2.253**

(*) Lợi nhuận kỳ này bao gồm lãi phải chia cho các bên góp vốn hợp tác kinh doanh là 12.066.875.000 đồng

Lập ngày 06 tháng 08 năm 2009

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Lê Ngọc Châu	Quan Minh Tuấn	Lê Chí Hiếu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho kỳ kế toán từ 01/01/2009 đến 30/06/2009

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		312.728.559.113	374.809.324.755
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(113.271.744.088)	(127.882.614.289)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(39.400.239.487)	(25.711.854.439)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		-	(14.700.000)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(17.172.635.544)	(46.411.180.006)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		112.749.710.618	234.436.947.765
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(196.245.284.389)	(279.847.397.973)
20	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh***		***59.388.366.223***	***129.378.525.813***
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản DH khác		(1.781.644.316)	(296.723.273)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác		1.818.181	749.833
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(24.869.672.929)	(992.717.552.327)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		20.000.000.000	896.089.632.101
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(86.099.010.386)	(158.831.297.641)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		54.848.485.090	4.500.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		19.464.168.472	16.288.704.629
30	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư***		***(18.435.855.888)***	***(234.966.486.678)***
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	179.493.432.728
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		(2.320.479.507)	(29.801.285.622)
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		34.682.404.261	46.813.960.127
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(2.000.000.000)	(39.000.000.000)
35	5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính		-	
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(35.999.661.000)	(23.529.579.704)
40	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính***		***(5.637.736.246)***	***133.976.527.529***
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ**		**35.314.774.089**	**28.388.566.664**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu kỳ**		**103.748.660.422**	**13.604.362.080**
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ			
70	**Tiền và tương đương tiền cuối kỳ**		**139.063.434.511**	**41.992.928.744**

Lập ngày 06 tháng 08 năm 2009

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Lê Ngọc Châu	Quan Minh Tuấn	Lê Chí Hiếu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2009 đến 30/06/2009

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Phát triển nhà Thủ Đức được chuyển đổi từ Doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 7967/QĐ-UB-CNN ngày 24 tháng 11 năm 2000 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh V/v chuyển Công ty Phát triển nhà và Dịch vụ Khu công nghiệp Thủ Đức thành Công ty cổ phần.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 4103000457 lần đầu ngày 15/06/2001 và thay đổi lần thứ tám ngày 22/12/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là 252.500.000.000 đồng, được chia thành 25.250.000 cổ phần.

Trụ sở chính của Công ty : 384 Võ Văn Ngân, P. Bình Thọ, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

Đến thời điểm 30/06/2009 Công ty có các công ty con, công ty liên kết sau:

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
I	***Công ty con***		
1	Công ty TNHH Quản lý và Kinh doanh Chợ nông sản Thủ Đức	TP Hồ Chí Minh.	Quản lý và kinh doanh chợ đầu mối
2	Công ty TNHH Xây dựng Phong Đức	TP Hồ Chí Minh.	Xây lắp
3	Công ty TNHH Nước đá tinh khiết Đông An Bình	TP Hồ Chí Minh.	Sản xuất nước đá tinh khiết
4	Công ty TNHH Dịch vụ Tam Bình Thủ Đức	TP Hồ Chí Minh.	Dịch vụ kho bãi nội địa
5	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Song Đức	TP Hồ Chí Minh.	Kinh doanh xăng dầu
6	Công ty Cổ phần Thông Đức	Tỉnh Lâm Đồng	Kinh doanh dịch vụ
7	Công ty Cổ phần Sản xuất Thương Mại Gia Đức	TP Hồ Chí Minh.	Thương mại, sản xuất vật liệu xây dựng
8	Công ty TNHH Đầu tư Phúc Thịnh Đức	TP Hồ Chí Minh	Kinh doanh bất động sản
II	***Công ty liên doanh, liên kết***		
1	Thuduchouse Property Ventures LLC	California, Hoa Kỳ	Kinh doanh bất động sản
2	Công ty Cổ phần Phát triển nhà Deawon –Thủ Đức	TP Hồ Chí Minh.	Kinh doanh bất động sản
3	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú	TP Hồ Chí Minh.	Kinh doanh bất động sản
4	Công ty Cổ phần Địa ốc Đại Á	TP Hồ Chí Minh.	Kinh doanh bất động sản
5	Công ty Cổ phần Đầu tư Nghĩa Phú	TP Hồ Chí Minh.	Kinh doanh bất động sản

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Địa ốc, Xây lắp công trình và thương mại, dịch vụ.

Ngành nghề kinh doanh

- Quản lý và kinh doanh nhà
- Xây dựng các công trình về nhà ở, công trình công cộng và dân dụng khác
- Sản xuất gạch, ngói, gạch bông
- Thiết kế mẫu nhà ở, công trình dân dụng phục vụ cho nhu cầu xây dựng của đơn vị
- Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh công trình cơ sở hạ tầng khu công nghiệp và dân cư Linh Xuân, Thủ Đức
- Thi công xây dựng công trình thủy lợi, cầu đường, sân bãi, nền móng công trình, hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước công trình.
- San lấp mặt bằng
- Trang trí nội ngoại thất
- Đầu tư xây dựng, kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư
- Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô
- Sản xuất, lắp dựng khung nhà tiền chế, kệ thép, các cấu kiện thép: dầm cầu thép, xà, thanh giằng, cột tháp
- Mua bán máy móc thiết bị ngành xây dựng, hàng trang trí nội ngoại thất, vật liệu xây dựng, sắt, thép, đá, cát, sỏi
- Đại lý mua bán xăng, dầu, nhớt
- Hoạt động câu lạc bộ thể dục thể thao: sân tennis, hồ bơi, bóng đá, bóng chuyền, bóng bàn, bóng rổ, cầu lông
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng (không kinh doanh tại trụ sở)
- Mua bán, chế biến hàng nông sản thực phẩm (không chế biến thực phẩm tươi sống)
- Cho thuê kho bãi
- Dịch vụ: khai thuê hải quan, quảng cáo, bốc dỡ hàng hóa, đóng gói (trừ thuốc bảo vệ thực vật)
- Thiết kế tạo mẫu; In trên bao bì
- Tổ chức hội chợ, hội nghị, hội thảo, triển lãm thương mại
- Đại lý ký gửi hàng hóa
- Kinh doanh nhà, cho thuê nhà, kho bãi, văn phòng.
- Kinh doanh bất động sản
- Dịch vụ định giá bất động sản, dịch vụ sàn giao dịch bất động sản, dịch vụ tư vấn bất động sản, dịch vụ đấu giá bất động sản, dịch vụ quảng cáo bất động sản, dịch vụ quản lý bất động sản.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty thực hiện mua thêm 72.860 cổ phiếu làm cổ phiếu quỹ, số lượng cổ phiếu quỹ đến thời điểm 30/06/2009 là 1.250.226 cổ phiếu với giá trị là 62.226.904.498 đồng.

Công ty mua lại phần vốn góp tại Công ty CP Thông Đức của Tổng Công ty Phong Phú, theo đó tỷ lệ kiểm soát và tỷ lệ lợi ích của Công ty tại Công ty CP Thông Đức tăng từ 39% lên 65%.

Công ty và Công ty CP Bất động sản Dệt may Việt Nam cùng góp vốn thành lập Công ty TNHH Đầu tư Phúc Thịnh Đức, tỷ lệ kiểm soát và tỷ lệ lợi ích của Công ty là 70%.

Công ty góp vốn cùng Công ty California Newland Ventures, LLC thành lập Thuduchouse Property Ventures LLC có trụ sở tại 2424 Hyatt Road, San Bernadino, CA 92407, Hợp chủng quốc Hoa Kỳ.

Công ty cùng Công ty CP Phát triển nhà Deawon - Thủ Đức góp vốn hợp tác kinh doanh Khu đất có diện tích 11.170,3 m2 tại Phường An Phú, Quận 2, TP Hồ Chí Minh.

Thông tin bổ sung về các công ty con, công ty liên kết

Tổng số các công ty con: 08 công ty

- Số lượng các công ty con được hợp nhất: 05 công ty
- Số lượng các công ty con không được hợp nhất: 03 công ty

Danh sách các công ty con được hợp nhất

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết
1	Công ty TNHH Quản lý và Kinh doanh Chợ nông sản Thủ Đức	Khu phố 5, Quốc lộ 1A, Phường Tam Bình, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.	100,00%	100,00%
2	Công ty TNHH Xây dựng Phong Đức	166 Trần Não, Phường Bình An, Quận 2, TP Hồ Chí Minh	65,00%	65,00%
3	Công ty TNHH Nước đá tinh khiết Đông An Bình	Số 4, đường số 4, Khu phố 5, Phường Tam Bình, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.	99,60%	99,60%
4	Công ty TNHH Dịch vụ Tam Bình Thủ Đức	Khu phố 5, Quốc lộ 1A, Phường Tam Bình, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.	70,00%	70,00%
5	Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Gia Đức	683 Quốc lộ 52, Phường Phước Long B, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh	49,5,00%	55,00%

Danh sách các công ty con không được hợp nhất

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết
1	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Song Đức	139B Quốc lộ 1A, Khu phố 5, Phường Tam Bình, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	51,00%	51,00%
2	Công ty Cổ phần Thông Đức	Số 01 Phan Chu Trinh, Phường 9, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng	65,00%	65,00%
3	Công ty TNHH Đầu tư Phúc Thịnh Đức	6B1-4 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 24, Quận Bình Thạch, TP Hồ Chí Minh	70,00%	70,00%

Lý do:

Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Song Đức và Công ty Cổ phần Thông Đức đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản và chưa lập báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2009 đến 30/06/2009

Công ty TNHH Đầu tư Phúc Thịnh Đức bắt đầu hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 4102073104 đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 05 năm 2009và chưa lập báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2009 đến 30/06/2009.

Tổng số các công ty liên doanh, liên kết: 06 công ty

- Số lượng các công ty liên doanh, liên kết được hợp nhất: 0 công ty
- Số lượng các công ty liên doanh, liên kết không được hợp nhất: 06 công ty

Danh sách các công ty liên kết không áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất .

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết
1	Thuduchouse Property Ventures LLC	California, Hoa Kỳ	50,00%	50,00%
2	Công ty CP Phát triển nhà Deawon –Thủ Đức	Ấp 3, Phường An Phú, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh	40,00%	40,00%
3	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú	Tầng 4, cao ốc 255 Trần Hưng Đạo, Phường Cô Giang, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	35,00%	35,00%
4	Công ty Cổ phần Địa ốc Đại Á	1015 Trần Hưng Đạo, P5, Q5, Thành phố Hồ Chí Minh	39%	39%
5	Công ty Cổ phần Đầu tư Nghĩa Phú	48 Tăng Nhơn Phú, Phường Tăng Nhơn Phú, Quận 9, TP HCM	20,00%	20,00%
6	Chi nhánh Công ty TNHH Bảo vệ Hùng Vương	Khu phố 5, Quốc lộ 1A, Phường Tam Bình, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.	35%	50%

Lý do:

Các công ty liên doanh, liên kết chưa lập báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất này.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3.3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

IV. CƠ SỞ HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được lập cho cùng kỳ kế toán với báo cáo tài chính của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính tham gia hợp nhất:

1. Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 của Công ty mẹ được soát xét bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán với ý kiến chấp nhận toàn bộ.

2. Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 của Công ty con Công ty TNHH Quản lý và Kinh doanh Chợ Nông sản Thủ Đức được soát xét bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán với ý kiến chấp nhận toàn bộ.

3. Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 của Công ty con Công ty TNHH Xây dựng Phong Đức được soát xét bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán với ý kiến chấp nhận toàn bộ.

4. Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 của Công ty con Công ty TNHH Nước đá tinh khiết Đông An Bình được soát xét bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán với ý kiến chấp nhận toàn bộ.

5. Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 của Công ty con Công ty TNHH Dịch vụ Tam Bình Thủ Đức được soát xét bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán với ý kiến chấp nhận toàn bộ.

6. Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 của Công ty con Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Gia Đức được soát xét bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán với ý kiến chấp nhận toàn bộ.

V. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ÁP DỤNG

5.1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

5.2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Đối với giá trị chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các dự án được xác định theo chi phí thực tế phát sinh đến thời điểm lập báo cáo tài chính sau khi trừ đi giá vốn ước tính của phần công việc đã hoàn thành và kết chuyển doanh thu đến thời điểm lập báo cáo.

5.3. Nguyên tắc ghi nhận dự phòng nợ phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà đơn vị nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

5.4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

- Khấu hao TSCĐ của Công ty được thực hiện theo phương pháp khấu hao đường thẳng: Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với Quyết định số 206/2003/QĐ - BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ.

-	Nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 22	Năm
-	Máy móc, thiết bị	5 – 8	năm
-	Phương tiên vận tải	5 – 8	năm
-	Thiết bị văn phòng	3 – 5	năm

5.5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Bất động sản đầu tư được tính, trích khấu hao như TSCĐ khác của Công ty.

5.6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của nhà đầu tư trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Cổ tức, lợi nhuận được chia từ công ty liên kết, liên doanh được ghi giảm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên kết trên báo cáo tài chính hợp nhất. Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên kết cũng phải được điều chỉnh khi lợi ích của nhà đầu tư thay đổi do có sự thay đổi trong vốn chủ sở hữu của công ty liên kết nhưng không được phản ánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết.

Khoản đầu tư khác được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ các khoản đầu tư này phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là " tương đương tiền";

- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;

- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

5.7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

5.8. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và đuợc tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;

- Những khoản chi phí khác thực tế phát sinh có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều niên độ kế toán.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

5.9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

5.10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

5.11. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VNĐ/USD) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

5.12. Nguyên tắc ghi nhận lợi ích của cổ đông thiểu số

Lợi ích của cổ đông thiểu số được xác định là phần lợi ích trong kết quả hoạt động thuần và giá trị tài sản thuần của một công ty con tương ứng với các phần lợi ích không phải do công ty mẹ sở hữu một cách trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua các công ty con.

Các khoản lỗ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông thiểu số trong công ty con được hợp nhất có thể lớn hơn số vốn của họ trong công ty con. Khoản lỗ vượt trên phần vốn của các cổ đông thiểu số này được tính giảm vào phần lợi ích của công ty mẹ trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp các khoản lỗ đó. Nếu sau đó công ty con có lãi, khoản lãi đó sẽ được phân bổ vào phần lợi ích của công ty mẹ cho tới khi phần lỗ trước đây do công ty mẹ gánh chịu được bồi hoàn đầy đủ

5.13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu bán hàng trong kỳ được xác định trên cơ sở hóa đơn tài chính đã phát hành của các đơn vị sau khi giảm trừ giá trị các khoản doanh thu hoạt động xây lắp tính trùng khi xác định doanh thu hoạt động xây lắp với chủ đầu tư.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

5.14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;

- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Chi phí đi vay trong kỳ là giá trị thuần của các khoản chi phí đi vay phải trả sau khi giảm trừ hỗ trợ lãi suất sau đầu tư từ Ngân hàng phát triển Việt Nam.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

5.15. Nguyên tắc ghi nhận phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh

Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh được ghi nhận tương ứng với phần lợi ích trong lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của công ty liên kết, liên doanh sau khi phân bổ lợi thế thương mại.

5.16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

5.17. Phân phối lợi nhuận

Theo điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Phát triển nhà Thủ Đức, lợi nhuận sau thuế của Công ty thuộc sở hữu của cổ đông được phân phối như sau:

Trích Quỹ dự phòng tài chính không vượt quá 10% lợi nhuận sau thuế và được trích cho đến khi bằng 10% vốn điều lệ; Trích 10% Quỹ khen thưởng và phúc lợi, tỷ lệ trích có thể thay đổi theo kiến nghị của Hội đồng quản trị và được Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn

Lợi nhuận còn lại do Hội đồng quản trị đề nghị trình Đại hội đồng cổ đông quyết định cho từng năm.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2009 VND	01/01/2009 VND
Tiền mặt	1.430.669.970	1.602.482.413
Tiền gửi ngân hàng	53.213.890.866	81.613.678.009
Tiền đang chuyển	-	-
Các khoản tương đương tiền	84.418.873.675	20.532.500.000
Cộng	**139.063.434.511**	**103.748.660.422**

2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	30/06/2009 VND	01/01/2009 VND
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn	7.500.000.000	7.500.000.000
Góp vốn hợp tác kinh doanh	3.307.550.450	3.307.550.450
Cho vay ngắn hạn (*)	54.869.672.929	70.000.000.000
Cộng	**65.677.223.379**	**80.807.550.450**

(*) Chi tiết cho vay ngắn hạn

Đối tượng	Hợp đồng	Thời hạn	Lãi suất	Số tiền
DNTN Thương mại Ngọc Thủy	708/HĐ-TDH-NT	3 tháng	10,6%/năm	31.869.672.929
Công ty CP Thông Đức	58/PLHĐ-TĐ-TDH-09	6 tháng	0,875%/tháng	20.000.000.000
Công ty CP Thông Đức	42/HĐTD-TDH-09	3 tháng	0,875%/tháng	2.000.000.000
Công ty CP Thông Đức	57/HĐTD-PĐ	3 tháng	0,900%/tháng	1.000.000.000
Cộng				**54.869.672.929**

3. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2009 VND	01/01/2009 VND
Phải thu về tiền lãi cho vay	-	696.110.000
TCT CP Phong Phú (về chuyển nhượng vốn góp vào Công ty CP Thông Đức)	6.900.000.000	6.900.000.000
Phải thu lãi góp vốn kinh doanh, lợi nhuận được chia	160.000.000	319.437.420
Tạm ứng lãi hợp tác kinh doanh dự án Bình An 2	10.870.716.486	-
Tạm hoàn trả vốn hợp tác kinh doanh dự án Bình An 2	27.552.206.189	-
Tạm xác định thuế thu nhập cá nhân	4.152.403.700	-
Phải thu khác	7.328.749.708	15.212.851.556
Cộng	**56.964.076.083**	**23.128.398.976**

4. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2009 VND	01/01/2009 VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.184.209.873	1.432.367.352
Công cụ, dụng cụ	-	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	415.723.699.091	392.944.942.326
Thành phẩm	898.400.000	898.400.000
Hàng hoá	24.956.372	35.455.161
Cộng giá gốc hàng tồn kho	**418.831.265.336**	**395.311.164.839**

(*) Chi tiết Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Chi phí sản xuất kinh doanh các dự án	***406.841.821.047***	***383.889.626.233***
Khu nhà ở 6,5 ha P.Bình An, Q.2	53.478.384.856	71.287.151.819
Khu nhà ở Bình Chiểu (GĐ 2)	37.152.074.700	30.611.967.882
Khu Tái định cư P.Bình Chiểu (GĐ1)	36.989.855.639	39.432.489.451
Khu Tái định cư P.Bình Chiểu (2,2ha)	234.188.542	234.188.542
Chung cư cao cấp Hiệp Phú Q.9	56.604.082.197	52.548.575.891
Chung cư cao tầng Phước Bình, Q.9	2.275.819.694	1.947.734.159
Chung cư cao tầng Phước Long	1.785.329.125	1.733.460.689
Khu nhà ở CĐM Nông Sản Thủ Đức	42.297.727.743	40.618.489.482
Khu đất 4,6ha đô thị An Phú, Q.2	4.740.613.619	11.216.962.661
Khu La Sapinnette	28.230.000	-
Khu đất LD 1,7ha Hiệp Bình Phước	2.621.106.111	2.584.182.175
Khu đất LD 3,3ha Hiệp Bình Phước	7.947.091.349	7.947.091.349
Khu đất Hiệp Phú	151.924.588	151.924.588
Khu đất LH VC Hàng Hải	102.201.900	102.201.900
Khu 10ha Linh Trung	834.289.628	938.686.628
Khu tái định cư Linh Xuân	149.524.637	149.524.637
Khu nhà ở cụm 3-(7,9ha)Linh Xuân	8.390.886	8.390.886
Khu nhà ở cụm 3-(11,8ha)Linh Xuân	12.411.930	12.411.930
Khu nhà ở chung cư Phước Bình	343.479.745	333.062.839
Chung cư TDH Trường Thọ	137.048.165.918	105.231.060.485
Khu nhà ở Hiệp Bình Phước 1,6ha- Q.TĐ	20.915.040.000	15.678.180.000
XD cầu Bình Đức (rạch cầu đất-BC)	1.118.928.240	1.118.928.240
Long Thạnh Mỹ (40ha)- Quận 9	2.960.000	2.960.000
Chi phí sản xuất kinh doanh các công trình xây lắp	***8.881.878.044***	***9.055.316.093***
Xây dựng nhà ở LB1 khu TTTM An Phú, Quận 2	-	1.776.518.160
Xây dựng Trường tiểu học An Phú (Sông Giồng), Quận 2	6.444.627.415	6.444.627.415
Các công trình khác	2.437.250.629	834.170.518
Cộng	**415.723.699.091**	**392.944.942.326**

5. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2009 VND	01/01/2009 VND
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	-
Tạm ứng	438.321.680	496.907.354
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	10.000.000	10.000.000
Cộng	**448.321.680**	**506.907.354**

6. TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	TSCĐ dùng trong quản lý	Cộng TSCĐ
Nguyên giá TSCĐ					
Số đầu năm	**46.089.894.384**	**21.001.262.956**	**8.619.665.278**	**3.187.366.545**	**78.898.189.163**
Tăng trong năm	**376.650.909**	**151.506.981**	**-**	**115.163.415**	**643.321.305**
- Mua sắm	376.650.909	151.506.981		115.163.415	643.321.305
Giảm trong năm	**-**	**-**	**-**	**95.623.000**	**95.623.000**
- Thanh lý, nhượng bán				95.623.000	95.623.000
- Chuyển sang BĐSĐT					-
- Giảm khác				-	-
Số cuối năm	**46.466.545.293**	**21.152.769.937**	**8.619.665.278**	**3.206.906.960**	**79.445.887.468**
Hao mòn TSCĐ					
Số đầu năm	**10.337.684.351**	**5.321.687.586**	**2.952.388.534**	**2.030.291.521**	**20.642.051.992**
Tăng trong năm	**1.290.456.983**	**905.995.150**	**517.221.536**	**255.951.751**	**2.969.625.420**
- Trích khấu hao TSCĐ	1.290.456.983	905.995.150	517.221.536	255.951.751	**2.969.625.420**
Giảm trong năm	**-**	**-**	**-**	**72.620.157**	**72.620.157**
- Thanh lý, nhượng bán				72.620.157	**72.620.157**
Số cuối năm	**11.628.141.334**	**6.227.682.736**	**3.469.610.070**	**2.213.623.115**	**23.539.057.255**
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	**35.752.210.033**	**15.679.575.370**	**5.667.276.744**	**1.157.075.024**	**58.256.137.171**
Số cuối năm	**34.838.403.959**	**14.925.087.201**	**5.150.055.208**	**993.283.845**	**55.906.830.213**

7. TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm máy tính	Cộng TSCĐ vô hình
Nguyên giá TSCĐ					
Số đầu năm	**5.511.928.026**	**-**	**-**	**50.300.000**	**5.562.228.026**
Tăng trong năm	**-**	**-**	**-**	**1.126.243.035**	**1.126.243.035**
- Do mua sắm				1.126.243.035	1.126.243.035
Giảm trong năm	**2.984.948.445**	**-**	**-**	**-**	**2.984.948.445**
- Giảm khác (*)	2.984.948.445				2.984.948.445
Số cuối năm	**2.526.979.581**	**-**	**-**	**1.176.543.035**	**3.703.522.616**
Hao mòn TSCĐ					
Số đầu năm	**170.257.483**	**-**	**-**	**39.609.322**	**209.866.805**
Tăng trong năm	**26.882.760**	**-**	**-**	**160.082.866**	**186.965.626**
- Do trích KH TSCĐ	26.882.760			160.082.866	186.965.626
Giảm trong năm	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**
Số cuối năm	**197.140.243**	**-**	**-**	**199.692.188**	**396.832.431**
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	**5.341.670.543**	**-**	**-**	**10.690.678**	**5.352.361.221**
Số cuối năm	**2.329.839.338**	**-**	**-**	**976.850.847**	**3.306.690.185**

(*) Điều chỉnh giá trị quyền sử dụng đất của Công ty con do hợp nhất theo phương pháp giá gốc

8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	30/06/2009 VND	01/01/2009 VND
Xây dựng cơ bản dở dang	***15.025.935.142***	***12.758.719.285***
Trong đó các công trình lớn		
Trạm xăng dầu Tam Bình	2.442.983.362	267.531.917
Công trình nhà nghỉ Chợ đầu mối nông sản Thủ Đức	94.888.637	94.888.637
Công trình Trung tâm giao dịch nông sản và hệ thống kho lạnh (*)	12.334.559.741	12.334.559.741
Vật tư làm kho, mái che kho 200 tấn	55.376.960	55.376.960
Hệ thống điện Pano quảng cáo	6.362.030	6.362.030
Phòng trưng bày sản phẩm	91.764.412	
Xây dựng Trung tâm Thương mại Đà Lạt	0	0
Mua sắm tài sản	**-**	**-**
Sửa chữa lớn TSCĐ	***261.716.789***	***261.716.789***
Cộng	**15.287.651.931**	**13.020.436.074**

9. TĂNG GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
I. Nguyên giá BĐS đầu tư	**11.740.332.435**	**-**	**-**	**11.740.332.435**
- Nhà cửa, vật kiến trúc	11.740.332.435	-	-	11.740.332.435
II. Giá trị hao mòn luỹ kế	**990.349.990**	**341.333.220**	**-**	**1.331.683.210**
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà cửa, vật kiến trúc	990.349.990	341.333.220	-	1.331.683.210
III. Giá trị còn lại BĐS đầu tư	**10.749.982.445**	**(341.333.220)**	**-**	**10.408.649.225**
- Nhà cửa, vật kiến trúc	10.749.982.445	(341.333.220)	-	10.408.649.225

10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

	30/06/2009 VND	01/01/2009 VND
Công ty Cổ phần Thông Đức	32.100.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Song Đức	12.288.960.000	-
Cộng	**44.388.960.000**	**-**

11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

	30/06/2009 VND	01/01/2009 VND
Công ty LD Thuduchouse Property Venture (USD)	26.868.500.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú	26.000.000.000	26.618.134.474
Công ty Cổ phần Phát triển nhà Deawon - Thủ Đức (*)	64.811.260.800	77.013.278.617
Công ty Cổ phần Địa ốc Đại Á	11.000.000.000	11.243.150.070
Công ty Cổ phần Thông Đức	0	11.700.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phước Long	19.589.481.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư Nghĩa Phú	1.000.000.000	1.000.000.000
Chi nhánh Công ty TNHH Bảo vệ Hùng Vương	610.000.000	400.000.000
Cộng	**149.879.241.800**	**127.974.563.161**

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết ghi nhận theo giá gốc, không hợp nhất theo phương pháp vốn chủ

12. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC	**30/06/2009 Số lượng CP**	**30/06/2009 VND**	**01/01/2009 VND**
Trái phiếu Chính phủ	-	80.000.000	115.000.000
Trái phiếu chuyển đổi của Công ty CP ĐTHTKT TP.HCM (CII) (MG 1.000.000 đ/TP)	1.489	1.709.050.000	1.709.050.000
Cổ phiếu Công ty CP Đầu Tư hạ tầng Kỹ Thuật TP.HCM (*)	528.290	8.438.834.000	8.438.834.000
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Bảo Hiểm Dầu Khí (*)	81.000	8.310.000.000	8.310.000.000
Cổ phiếu Công ty CP Xây dựng số 5 (*)	32.724	6.442.777.900	6.442.777.900
Chứng chỉ quỹ Đầu Tư Prudential (*)	1.250.000	12.875.000.000	12.875.000.000
Chứng chỉ quỹ Tăng Trưởng Việt Long	3.000.000	30.450.000.000	30.450.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sen Vàng (cổ đông chiến lược	1.803.700	17.024.500.000	14.662.000.000
Công ty CP Chứng Khoán TP.HCM (HSC) (*)	982.640	25.150.315.004	26.453.600.000
Ngân hàng TM Cổ phần Phương Đông (cổ đông chiến lược)	2.655.650	26.556.500.000	26.556.500.000
Ngân hàng TMCP Phát Triển Nhà TP.HCM (cổ đông chiến lu	6.466.967	64.669.670.000	64.669.670.000
Tổng công ty Cổ phần Phong Phú (cổ đông chiến lược, đấu giá cổ phần lần đầu tháng 11/2008 doanh nghiệp NN CPH)	2.700.000	33.779.700.000	33.779.700.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phước Long (cổ đông chiến lược)	-	-	11.219.406.000
Công ty CP ĐT & XD CT 135 (cổ đông chiến lược)	1.728.000	27.936.000.000	27.936.000.000
Công ty CP XNK & ĐT Thừa Thiên Huế (cổ đông chiến lược	300.000	4.500.000.000	4.500.000.000
Công ty CP B.O.O NM nước Thủ Đức (MG 100.000 đ/CP) (cổ đông chiến lược, đang trong giai đoạn xây dựng cơ bản)	500.000	50.000.000.000	50.000.000.000
Công ty CP KD BĐS Phát triển nhà TP	240.000	2.400.000.000	2.400.000.000
Cổ phiếu Ngân hàng TM Cổ phần An Bình	2.800	28.000.000	28.000.000
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đá Núi nhỏ (VL và XD Bình Dươ	37.611	1.018.086.200	959.786.200
Công ty Cổ phần XD và PT Ngôi nhà Huế		2.000.000.000	-
Góp vốn hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần TM XNK T	-	-	46.885.090
Góp vốn hợp tác kinh doanh với Công ty CP ĐT XD TM DV	-	753.792.301	753.792.301
Góp vốn đầu tư khu công nghiệp Đồng Mai	-	30.000.000.000	30.000.000.000
Góp vốn đầu tư khu công nghiệp Thạnh Đức -Long An	-	-	49.647.600.000
Góp vốn đầu tư khu dân cư và TTTM Phước Long A	-	50.352.400.000	50.352.400.000
Góp vốn đầu tư khu dân cư Bến Lức Long An	-	32.572.060.382	12.054.000.000
Góp vốn đầu tư khu tái định cư Tam Tân Củ Chi	-	290.497.641	290.497.641
Góp vốn đầu tư TTTM Phường Phước Long B	-	21.160.000.000	21.160.000.000
Góp vốn hợp tác kinh doanh Dự án 17.687 m2 Hiệp Bình Phước		27.598.400.000	27.598.400.000
Góp vốn đầu tư Khu Trường Thọ 2 với Công ty TNHH XDTM Thành Thuận Pl		21.764.160.000	
Cho vay dài hạn	-	1.328.000.000	1.328.000.000
Cổ phiếu Công ty CP Phát triển nhà Thủ Đức (phần lợi ích của cổ đông thiểu số đầu tư)		4.621.243.408	4.621.243.408
Cổ phiếu Công ty CP SX TM Gia Đức (phần lợi ích của cổ đông thiểu số đầu tư)		525.000.000	-
Cộng		**514.333.986.836**	**529.358.142.540**

(*) Các cổ phiếu đang được niêm yết trên thị trường chứng khoán tập chung

13. DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Tên chứng khoán	Số lượng CP, CC	Giá trị theo sổ kế toán	Giá trị theo giá thị trường	Dự phòng giảm giá
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Bảo Hiểm Dầu Kł	81.000	8.310.000.000	2.438.100.000	(5.871.900.000)
Cổ phiếu Công ty CP Xây dựng số 5	32.724	6.442.777.900	1.524.938.400	(4.917.839.500)
Chứng chỉ quỹ Đầu Tư Prudential	1.250.000	12.875.000.000	6.250.000.000	(6.625.000.000)

Khoản đầu tư tài chính dài hạn	Tỷ lệ SH tại 30/06/2009	Vốn chủ SH thực có	Giá trị khoản đầu tư của TDH	Dự phòng tổn thất
Chứng chỉ quỹ tăng trưởng Việt Long Vốn điều lệ 300.000.000.000 đ	5,00%	166.074.493.975	15.225.000.000	(6.921.275.301)
Công ty CP Chứng khoán Sen Vàng Vốn điều lệ 135.000.000.000 đ	13,36%	102.185.662.847	17.024.500.000	(3.371.738.513)
Công ty CP XNK & ĐT Thừa Thiên Huế Vốn điều lệ 17.351.400.000 đ	17,29%	20.285.747.767	4.500.000.000	(992.660.921)
Cộng		**316.173.682.489**	**46.962.538.400**	**(28.700.414.235)**

Ghi chú: Công ty lập dự phòng cho các chứng khoán đang được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh và Trung tâm Giao dịch chứng khoán Hà Nội.
Chứng chỉ quỹ tăng trưởng Việt Long được trích lập dự phòng giảm giá theo Báo cáo giá trị đơn vị quỹ cuối tháng 06 năm 2009 của Công ty CP Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Việt Long và không trích lập cho 1.500.000 chứng chỉ nhận ủy thác đầu tư của Tổng công ty CP Phong Phú.
Các khoản đầu tư vào Công ty CP Chứng khoán Sen Vàng được trích lập dự phòng khi khoản đầu tư bị tổn thất (vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị nhận đầu tư lớn hơn vốn chủ sở hữu thực có trên báo cáo tài chính tại thời điểm 30/06/2009 chưa được kiểm toán)
Các khoản đầu tư vào Công ty CP XNK & ĐT Thừa Thiên Huế được trích lập dự phòng khi khoản đầu tư bị tổn thất (vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị nhận đầu tư lớn hơn vốn chủ sở hữu thực có trên báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2008 chưa được kiểm toán)

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/06/2009 VND	01/01/2009 VND
Giá trị còn lại công cụ dụng cụ xuất dùng chưa phân bổ	502.772.917	117.056.719
Chi phí quảng cáo chưa phẩn bổ	-	337.662.644
Chi phí sửa chữa lớn tài sản	-	72.346.940
Tiền thuê ô vựa trả trước	1.037.868.208	
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.071.254.847	1.306.133.795
Cộng	**2.611.895.972**	**1.833.200.098**

15. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC	**30/06/2009 VND**	**01/01/2009 VND**
Ký quỹ dài hạn	8.294.663.420	8.294.663.420
Cộng	**8.294.663.420**	**8.294.663.420**

16. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI	**30/06/2009 VND**	**01/01/2009 VND**
Lợi thế thương mại khoản đầu tư vào Công ty TNHH Nước đá TK ĐAB	1.112.352.806	1.186.509.660
Lợi thế thương mại khoản đầu tư vào Công ty TNHH TM DV Tam Bình Thủ Đ	6.270.000.000	6.272.148.849
Lợi thế thương mại chưa phân bổ cuối kỳ	**7.382.352.806**	**7.458.658.509**

(*) Thời gian phân bổ lợi thế thương mại là 10 năm

17. CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN	**30/06/2009 VND**	**01/01/2009 VND**
Vay ngân hàng (*)	26.868.500.000	-
Vay dài hạn đến hạn trả (xem chi tiết vay dài hạn)	12.000.000.000	14.000.000.000
Cộng	**38.868.500.000**	**14.000.000.000**

(*) Thông tin bổ sung

Số hợp đồng	**Bên cho vay**	**Lãi suất**	**Thời hạn**	**Số dư nợ gốc cuối kỳ**	**Phương thức đảm bảo tiền**
2000-LAV-200904300 ngày 04/06/2009	NHTMCP XNK Việt Nam (EXIM BANK)	8,1%/năm	3 tháng	26.868.500.000	Đảm bảo bằng tài sản

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC	**30/06/2009 VND**	**01/01/2009 VND**
Thuế GTGT đầu ra phải nộp	329.706.623	15.146.235.698
Thuế TNDN	26.220.687.790	22.648.421.224
Thuế thu nhập cá nhân	5.211.983.830	829.600.294
Thuế tài nguyên	91.737.599	-
Các khoản phải nộp khác	426.034.960	426.034.960
Cộng	**32.280.150.802**	**39.050.292.176**

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ	**30/06/2009 VND**	**01/01/2009 VND**
Trích trước chi phí CT Sửa chữa cải tạo xưởng sợi - Công ty CP Phong Phú	1.548.066.540	-
Trích trước chi phí hạ tầng kỹ thuật Khu TTDVTM và Nhà ở An Phú	28.000.000.000	-
Trích trước chi phí phải trả khác	2.287.276.856	501.390.233
Cộng	**31.835.343.396**	**501.390.233**

20. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC	**30/06/2009 VND**	**01/01/2009 VND**

Kinh phí công đoàn	1.279.754.171	990.135.756
Bảo hiểm xã hội	87.186.674	8.091.960
Nhận ký cược ký quỹ ngắn hạn	918.205.000	625.500.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	98.330.000	-
Phải trả về lãi hợp tác kinh doanh các dự án	44.375.873	44.375.873
Các khoản phải trả phải nộp khác	3.143.894.189	1.806.103.035
Cộng	**5.571.745.907**	**3.474.206.624**

21. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	30/06/2009 VND	01/01/2009 VND
Phải trả dài hạn khác(*)	130.798.131.038	143.136.258.520
Nhận ký cược ký quỹ dài hạn	473.334.318	452.734.318
Cộng	**131.271.465.356**	**143.588.992.838**
(*) Chi tiết phải trả dài hạn khác		
- Phải trả góp vốn đầu tư Khu nhà ở Bình An 2	52.412.818.373	75.716.218.373
- Phải trả về góp vốn thành lập Công ty TNHH Xây dựng Phong Đức	1.825.000.000	1.825.000.000
- Phải trả về góp vốn mua cổ phiếu Công ty Dệt Phước Long	85.085.000	85.085.000
- Phải trả Nguyễn Việt Hùng góp vốn đầu tư mua cổ phần Công ty CP B.O.O nhà máy nước Thủ Đức	5.000.000.000	5.000.000.000
- Phải trả góp vốn đầu tư mua cổ phần Quỹ Tăng trưởng Việt Long của TCT CP Phong Phú	15.225.000.000	15.225.000.000
- Nhận góp vốn hợp tác kinh doanh Dự án Cầu Bình Đức với Công ty TNHH KD &PTN Bình Dân	600.000.000	600.000.000
- Nhận góp vốn hợp tác kinh doanh Dự án Khu 1,7ha Hiệp Bình Phước với Công ty TNHH XD Nhà Vĩnh Lợi	2.608.678.998	2.608.678.998
- Nhận góp vốn hợp tác kinh doanh Dự án Khu 3,3ha Hiệp Bình Phước với Công ty TNHH XD Văn Lang	8.333.988.743	8.333.988.743
- Nhận góp vốn hợp tác kinh doanh Trạm Xăng dầu Tam Bình với Công ty TNHH SX TM DV Năng Lượng	1.084.349.344	-
- Nhận góp vốn hợp tác kinh doanh Dự án Khu Đô thị mới Bình Chiểu với Công ty CP XD&KD Địa ốc Hòa Bình	10.686.800.000	10.686.800.000
- Tiền đền bù hộ UBND Quận 2	32.936.410.580	23.055.487.406
Cộng	**130.798.131.038**	**143.136.258.520**

22. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	30/06/2009 VND	01/01/2009 VND
Vay dài hạn	**74.350.282.332**	**66.536.378.071**
- Vay ngân hàng	69.976.282.332	62.162.378.071
- Vay đối tượng khác	4.374.000.000	4.374.000.000
Nợ dài hạn	**-**	**-**
Cộng	**74.350.282.332**	**66.536.378.071**

(*) Chi tiết vay dài hạn cuối kỳ

Bên cho vay Số hợp đồng	Lãi suất	Thời hạn	Số dư nợ gốc cuối kỳ	Đến hạn trả trong kỳ tới	Phương thức đảm bảo tiền vay
Quỹ đầu tư phát triển TP Hồ Chí Minh 196/2002/HĐCVHV-QĐT ngày 21/12/2002	Thả nổi có điều chỉnh	84 tháng	6.374.000.000	2.000.000.000	Đảm bảo bằng tài sản
Ngân hàng Công thương Việt Nam -CN 14 07.17.0074A/HĐTD ngày 24/12/2007	Thả nổi có điều chỉnh	60 tháng	79.976.282.332	10.000.000.000	Đảm bảo bằng tài sản
Cộng			**86.350.282.332**	**12.000.000.000**	

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

23.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn CSH	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng vốn chủ sở hữu
1. Số dư đầu kỳ này	**252,500,000,000**	**509,135,687,300**	**(68,488,734,176)**	**112,781,159,220**	**27,539,976,253**	**369,614,123**	**153,112,273,965**	**986,949,976,685**
2. Tăng trong kỳ này	**-**	**-**	**(2,320,479,507)**	**98,781,824,897**	**4,805,475,735**	**7,936,801,610**	**101,372,423,213**	**210,576,045,948**
Tăng vốn trong kỳ			(2,320,479,507)					(2,320,479,507)
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-		-			101,372,423,213	101,372,423,213
Quỹ tăng trong kỳ	-	-		97,921,019,371	4,805,475,735	7,936,801,610		110,663,296,716
Tăng khác trong kỳ	-	-		860,805,526				860,805,526
3. Giảm trong kỳ này	**-**	**-**	**0**	**5,302,721,037**	**6,023,375,507**	**8,135,628,342**	**167,490,546,944**	**186,952,271,830**
Quỹ giảm trong kỳ	-	-	0	305,381,710	-	-	-	305,381,710
Phân phối LN trong kỳ	-	-	0		-	8,135,628,342	167,490,546,944	175,626,175,286
Giảm khác trong kỳ (*)	-	-	0	4,997,339,327	6,023,375,507			6,023,375,507
4. Số dư cuối kỳ này	**252,500,000,000**	**509,135,687,300**	**(70,809,213,683)**	**206,260,263,080**	**26,322,076,481**	**170,787,391**	**86,994,150,234**	**1,010,573,750,803**

(*) Điều chỉnh giảm phần lợi ích của Công ty trong Công ty liên kết không được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ

23.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2009 VND	01/01/2009 VND
Vốn góp (cổ đông)	252.500.000.000	252.500.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	509.135.687.300	509.135.687.300
Cổ phiếu quỹ do Công ty mẹ mua	(62.226.904.498)	(59.906.424.991)
Cổ phiếu quỹ do Công ty con mua	(8.582.309.185)	(8.582.309.185)
(xác định tương ứng với tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ tại Công ty con)		
Cộng	**690.826.473.617**	**693.146.953.124**

23.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	252.500.000.000	170.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	82.500.000.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	252.500.000.000	252.500.000.000
- Cổ tức năm 2007 đã chia bằng tiền	-	19.857.345.000
- Cổ tức năm 2007 đã chia bằng cổ phiếu	-	22.500.000.000
- Cổ tức năm 2008 đã chia bằng tiền	35.999.661.000	33.750.000.000

23.4. Cổ phiếu	30/06/2009 VND	01/01/2009 VND
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	25.250.000	25.250.000
- Số lượng cổ phiếu đã phát hành	25.250.000	25.250.000
+ Cổ phiếu phổ thông	*25.250.000*	*25.250.000*
+ Cổ phiếu ưu đãi quyền biểu quyết	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	23.861.389	23.934.249
+ Cổ phiếu phổ thông	*23.861.389*	*23.934.249*
+ Cổ phiếu ưu đãi quyền biểu quyết	-	-
- Số lượng cổ phiếu quỹ	1.388.611	1.315.751
+ Do ông ty mẹ mua	*1.250.226*	*1.177.366*
+ Do Công ty con mua (xác định tương ứng với tỷ lệ lôi ích của cổ đông mẹ)	*138.385*	*138.385*
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

24. VẬT TƯ HÀNG HÓA NHẬN GIỮ HỘ, NHẬN GIA CÔNG	30/06/2009 VND	01/01/2009 VND
Tài sản giữ hộ (*)	27.043.058.000	27.043.058.000
Cộng	**27.043.058.000**	**27.043.058.000**

(*) Công ty được giao tiếp nhận và quản lý một số tài sản được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước tại Dự án Chợ đầu mối phía đông Thành phố (Chợ đầu mối nông sản Thủ Đức) theo Quyết định 4363/QĐ-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2008 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh v/v quyết toán vốn đầu tư các hạng mục sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước của dự án Chợ đầu mối phía đông Thành phố

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KD HỢP NHẤT

25. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu bán hàng	196.288.584.675	196.325.205.325
Doanh thu cung cấp dịch vụ	32.504.442.741	28.832.748.394
Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	961.302.761	628.523.941
Cộng	**229.754.330.177**	**225.786.477.660**

26. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giảm giá hàng bán	17.021.818	-
Hàng bán bị trả lại	3.437.946.911	5.732.657.705
Cộng	**3.454.968.729**	**5.732.657.705**

27. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu bán hàng	192.873.709.696	190.592.547.620
Doanh thu cung cấp dịch vụ	32.464.348.991	28.832.748.394
Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	961.302.761	628.523.941
Cộng	**226.299.361.448**	**220.053.819.955**

28. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	90.600.803.173	87.868.369.298
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	20.613.896.919	23.132.030.918
Giá vốn kinh doanh bất động sản đầu tư	481.285.982	319.797.054
Cộng	**111.695.986.074**	**111.320.197.270**

29. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.222.664.519	8.062.715.998
Lãi bán hàng trả chậm	28.750.145	39.641.802
Lãi suất cố định đầu tư vốn (trước thuế TNDN)	7.813.193.298	
Lãi trái phiếu chính phủ	5.950.000	-
Cổ tức, lợi nhuận sau thuế được chia	7.136.256.569	123.858.442
Lãi hoạt động đầu tư chứng khoán	9.570.930.000	4.660.175.768
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	-
Cộng	**28.777.744.531**	**12.886.392.010**

30. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán	22.034.895	-
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	-	16.296.493.900
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	(4.137.150.864)	-
Chi phí tài chính khác	0	7.502
Cộng	**(4.115.115.969)**	**16.296.501.402**

31. THU NHẬP KHÁC

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản	1.818.181	8.822.726
Phạt do vi phạm hợp đồng	4.645.862.214	2.869.892.525
Thu nhập từ tài sản đem góp vốn	-	237.000.000
Thu nhập khác	111.143.341	199.413.759
Cộng	**4.758.823.736**	**3.315.129.010**

31. CHI PHÍ KHÁC

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí thanh lý tài sản	23.002.843	-
Chi phí tài sản góp vốn	-	187.000.000
Chi phí khác	612.260.788	90.597.201
Cộng	**635.263.631**	**277.597.201**

33. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành của Công ty mẹ	19.386.449.271	32.086.207.011
Chi phí thuế thu nhập hiện hành của Công ty con	2.173.339.636	1.605.701.154
Cộng	**21.559.788.907**	**33.691.908.165**

34. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**101.372.423.213**	**51.749.863.831**
Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (lãi phải trả cho các bên hợp tác kinh doanh)	12.066.875.000	276.450.000
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	**89.305.548.213**	**51.473.413.831**
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu kỳ	23.934.249	17.000.000
Cổ phiếu phổ thông tăng bình quân trong kỳ	-	5.846.500
Cổ phiếu phổ thông giảm bình quân trong kỳ	(64.228)	
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	23.870.021	22.846.500
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**3.741**	**2.253**

VIII. THÔNG TIN KHÁC

Quyết định số 4530/QĐ-UB ngày 05 tháng 11 năm 2002 của Ủy ban nhân dân TP Hồ Chí Minh về việc giao đất cho cho Công ty CP Phát triển nhà Thủ Đức để đầu tư xây dựng chợ đầu mối phía Đông thành phố và hạ tầng khu nhà ở phố chợ tại phường Tam Bình, quận Thủ Đức, sau thời gian khai thác và quản lý chợ để thu hồi vốn đầu tư sẽ bàn giao cho Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức và các ngành chức năng quản lý. Theo đó, Công ty đang thực hiện quản lý và khai thác nhà lồng chợ A, nhà lồng chợ B và các công trình phụ trợ khác, các tài sản này sẽ được bàn giao lại sau khi hết hạn hợp đồng thuê ký với các tiểu thương kinh doanh tại chợ.

IX. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC).

Lập ngày 06 tháng 08 năm 2009

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Lê Ngọc Châu	Quan Minh Tuấn	Lê Chí Hiếu

S.Đ.K.K.D: 4103000461 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NHÀ THỦ ĐỨC - Q. THỦ ĐỨC TP. HỒ CHÍ MINH